TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/ DS-ST
Ngày 13 - 11- 2018
V/v "Tranh chấp dân sự về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn;

2. Ông Nguyễn Văn Thản.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Tuấn Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Dân- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp dân sự về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông Duong Hữu A, sinh năm: 1947; vắng mặt.
Bà Tống Ngọc B, sinh năm: 1962; có mặt.
Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Tấn C, sinh năm: 1975,
Địa chỉ: Tổ 07, ấp Bến A, xã Thạnh B, huyện Gò C, tỉnh Tây D; có mặt.

- *Bị đơn:*

Ông Tống Văn D, sinh năm: 1965; có mặt.
Chị Tống Thị Đ, sinh năm: 1972; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đoàn Long E, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Tống Thị G, sinh năm: 1942; có mặt.

Ông Mai Văn H, sinh năm: 1952; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Tống Ngọc B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Đặng Tấn C trình bày:

Ông Duong Hữu A và bà Tống Ngọc B yêu cầu ông Tống Văn D có trách nhiệm di dời, tháo dở một phần căn nhà có diện tích 5,6 m^2 (căn nhà có tổng diện tích 14,6 m^2) của ông Lộc xây dựng, hiện ông Lộc đang quản lý, sử dụng; yêu cầu chị Tống Thị Đ và anh Đoàn Long E có trách nhiệm di dời, tháo dở một phần mái che có diện tích 9,20 m^2 của chị Đ và anh E xây dựng, hiện anh chị đang quản lý, sử dụng, để trả lại cho ông Phước và bà Phượng phần đất có diện tích 36,4 m^2 thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số AB 621444 ngày 28-02-2005, do Uỷ ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện Gò Dầu cấp cho ông a và bà B.

Nguồn gốc do ông A và bà B nhận chuyển nhượng của bà Tống Thị G theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 11 năm 2004, có xác nhận của UBND xã Phước Trạch, hai bên đã hoàn tất thủ tục sang tên GCNQSDĐ xong. Khi chuyển nhượng đã có sẵn con đường đi ra Quốc lộ 22B. Năm 2014 ông D xây nhà, chị Đ xây mái che bít lối đi ra hướng quốc lộ 22B. Ông A và bà B yêu cầu ông D, chị Đ và anh E mở lại con đường như trước đây nhưng D, chị Đ và anh E không đồng ý. Ông D, chị Đ và anh E tự ý xây dựng nhà ở, mái che nên phải có trách nhiệm tháo dở, ông A và bà B không bồi thường, hỗ trợ chi di dời, tháo dở công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp.

Bị đơn ông Tống Văn D trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu của ông A và bà B vì ông cho rằng ông là người có quyền sử dụng đất, không phải đất của ông A và B.

Đất có nguồn gốc của cha ông là ông Tống Văn I, sinh năm 1931, chết năm 2012 và mẹ là bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1935, chết năm 1996 để lại. Cha ông đã được UBND huyện Gò Dầu cấp GCNQSDĐ có diện tích 11.145 m^2. Sau khi bà R chết, năm 2012 ông I cho ông 323,5 m^2 đất, thửa 63, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bàu A, xã

Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D, GCNQSDĐ số vào sổ 00122/QSDĐ/221/2003/QĐ-CT (HL) do UBND cấp ngày 06-02-2004 cho ông đứng tên, ông là người trực tiếp sử dụng đất bao gồm luôn phần đất tranh chấp từ đó cho đến nay. Ông còn độc thân chưa có lập gia đình nên GCNQSDĐ chỉ đứng tên mình ông.

Năm 2004, ông chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim V phần đất phía trước có diện tích 152 m^2 và đã sang tên GCNQSDĐ cho bà V xong (phần đất này bà V đã chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Thanh T). Khi cha mẹ còn sống vẫn là đất trống, nhưng sau khi cha ông cho chị Đ phần đất phía trong giáp với đất ông, còn ông chuyển nhượng phần đất phía trước cho bà V nên chừa một phần làm đường đi ra vì ông và chị Đ ở phía trong, đây là con đường nội bộ của cá nhân ông không phải đường đi công cộng. Năm 2013 ông và chị Đ làm đường bê tông diện tích 1,3m x 20m. Giữa ông và chị Đ thống nhất phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông, không tranh chấp phần đất này và không tranh chấp số tiền ông và chị Đ bỏ ra bê tông con đường. Hiện trên đất tranh chấp có 01 phần căn nhà của ông xây dựng năm 2006. Trước khi chuyển nhượng đất cho bà B, bà G có sống tại đó nhưng không sử dụng con đường đang tranh chấp vì đất bà G có con đường đi khác là đường công cộng. Tuy ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng trường hợp phải tháo dở nhà trả đất, ông không yêu cầu ông A và bà B bồi thường, hỗ trợ chi di dời, tháo dở công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp.

Theo bản tự khai ngày 30-10-2017, biên bản lấy lời khai ngày 14-11-2017 bị đơn chị Tống Thị Đ trình bày:

Chị không đồng ý yêu cầu của ông A và bà B vì đất tranh chấp là của cha mẹ chị để lại. Năm 2000 cha chị cho chị 249,3 m^2 đất theo GCNQSDĐ số AO 700968 ngày 16-01-2009, do UBND huyện Gò Dầu cấp cho chị, phần đất của chị ở phía trong giáp với đất ông D. Chị và ông D đều đã xây dựng nhà ở ổn định trên đất. Năm 2004 ông D chuyển nhượng một phần đất phía trước cho bà V, ông D có chừa một phần đất dùng làm đường đi ra cho ông D và chị vì nhà đất của chị và ông D ở phía trong không có đường đi ra. Năm 2013 chị và ông D làm đường bê tông, chi phí hết 8.000.000 đồng. Giữa chị và ông D thống nhất phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông D, chị và ông D không có tranh chấp phần đất này cũng không tranh chấp số tiền ông D và chị bỏ ra bê tông con đường. Năm 2005 bà G bán đất cho bà B nhưng chị không biết có bán diện tích đất hiện đang tranh chấp. Trước khi bán đất cho bà B bà G có sống tại đó nhưng không sử dụng con đường vì đất bà G có con đường đi khác. Tuy chị không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng chị không yêu cầu ông A và bà B bồi thường hỗ trợ chi phí di dời, tháo dở công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24-4-2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Long E trình bày:

Anh là chồng chị Đ, hiện anh đang sống chung nhà với chị Đ trên phần đất được cha vợ cho. Anh không đồng ý yêu cầu của ông A và bà B. Anh thống nhất phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông D, anh không có tranh chấp. Anh không yêu cầu ông A và

bà B bồi thường hỗ trợ chi phí di dời dở bỏ công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp nếu phải di dời tài sản để trả đất.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01-12-2017 và tại phiên tòa, người làm chứng bà Tống Thị G trình bày:

Bà có chuyển nhượng phần đất diện tích 780,6 m^2, tọa lạc tại ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D cho ông A và bà B, thời gian chuyển nhượng đã lâu bà không còn nhớ, hai bên đã hoàn tất thủ tục sang tên GCNQSDĐ xong. Từ trước khi chuyển nhượng đất, đã có con đường đi ra quốc lộ 22B. Nguồn gốc con đường có từ khi cha bà còn sống, ông cho bà phần đất có sẵn con đường, ngoài con đường này không có lối đi nào khác. Hợp đồng chuyển nhượng không thỏa thuận gì về con đường. Thời gian bà sử dụng con đường mấy chục năm không ai tranh chấp.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22-10-2018 người làm chứng ông Mai Văn H trình bày:

Đất hai bên tranh chấp không phải là đường công cộng của nhà nước, đất có nguồn gốc của cha ông Lộc là ông I để lại cho ông D quản lý sử dụng, ông D chuyển nhượng cho người khác nên chừa một phần làm đường nội bộ đi ra vì ông D ở phía trong, không có đường đi ra. Trước khi chuyển nhượng đất cho bà B, bà G cũng không sử dụng con đường này. Ông D quản lý, sử dụng đất nên có sửa chữa, đổ bê tông con đường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu bà Phạm Thị Kim Dân phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B. Ông D, chị Đ và anh E phải chịu chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Tống Thị Đ, người làm chứng ông Mai Văn H, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Phần đất tranh chấp và bị đơn ông Tống Văn D, chị Tống Thị Đ đều ở tổ 06, ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D. Ông Duong Hữu A và bà Tống Ngọc B có đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề. Theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

[3] Về yêu cầu của ông A và bà B thấy rằng: Nguồn gốc phần đang tranh chấp là do ông A và bà B nhận chuyển của bà G vào năm 2004, hai bên đã hoàn tất thủ tục sang tên GCNQSDĐ xong. Từ trước khi chuyển nhượng đất bà G đã sử dụng con đường có sẵn lối đi ra quốc lộ 22B. Năm 2006 anh D xây nhà, năm 2013 chị Đ và anh E làm mái che; khi xây dựng anh D, chị Đ và anh E xây bít lối đi hướng quốc lộ 22B. Ông A và bà B yêu cầu mở lại con đường như trước đây nhưng ông D, chị Đ và anh E không đồng ý.

[4] Về kết quả xem xét thẩm định thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-7-2018: Phần đất tranh chấp có diện tích 36,4 m^2, thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D, tứ cận: Đông giáp thửa 60 dài 1,95m, Tây giáp thửa 60 dài 1,5m, Nam giáp thửa 50 và 284 dài 0,9m +20,98m, Bắc giáp thửa 37 dài 19,29m và thửa 51 dài 3,13m. Phần đất nằm tổng diện tích 587 m^2 theo GCNQSDĐ số AB 621444 ngày 28-02-2005 cho ông A và bà B đứng tên. Hiện ông D, chị Đ và anh E đang quản lý, sử dụng.

Tài sản trên đất gồm: Một phần căn nhà của ông D xây dựng, hiện ông D đang quản lý, sử dụng, có diện tích 5,6 m^2 (căn nhà có tổng diện tích 14,6 m^2), xây dựng năm 2006, kết cấu xây gạch không tô, mái tole, nền gạch men, tỷ lệ còn lại 1%; một phần mái che do chị Đ và anh Exây dựng, hiện anh chị đang quản lý, sử dụng, có diện tích 9,20 m^2, kết cấu khung sắt, mái tole.

Các đương sự thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất.

Về giá đất: Các đương sự thống nhất tính giá theo biên bản định giá tài sản ngày 21-12-2017 là 1.600.000 đồng/m^2 x 36,4 m^2 = 58.240.000 đồng.

[5] Qua quá trình xác minh ông Tô Minh T - trưởng ấp Bàu A và tiến hành lấy lời khai ông Mai Văn H thì hai ông cho rằng phần đất hai bên đang tranh chấp do ông I quản lý sử dụng. Ông I chết để lại cho ông D. Do ông D chuyển nhượng đất cho người khác nên có chừa đất làm đường nội bộ đi ra đường quốc lộ vì nhà ông Lộc ở phía trong không có đường đi ra. Sau này ông D sửa chữa, đổ bê tông con đường. Bà G cũng không sử dụng con đường này vì có đường đi riêng là đường công cộng. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành lấy lời khai người làm chứng bà Tống Thị G cho thấy ông A và bà B nhận chuyển nhượng của bà, đất có GCNQSDĐ do bà đứng tên. Hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng, có chứng thực UBND xã Phước B, đã sang tên GCNQSDĐ cho ông A và bà B xong. Từ đó cho thấy việc ông D được cho đất và việc ông D sử dụng phần đất tranh chấp không có giấy tờ gì còn bà G được cấp GCNQSDĐ diện tích 780,6 m^2 (trong đó bao gồm 36,4 m^2 đất đang tranh chấp), ông A và bà B nhận chuyển nhượng phần đất

này từ bà G theo hợp đồng chuyển nhượng có UBND xã Phước B xác nhận nên lời trình bày của bà G là có cơ sở xem xét.

[6] Xét hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện Gò Dầu cung cấp cho thấy phần đất ông A và bà A kê khai xin cấp GCNQSDĐ số AB 621444 ngày 28-02-2005 cho ông A và bà B đứng tên, có nguồn gốc chuyển nhượng của bà G diện tích 780,6 m^2 (bao gồm phần đất tranh chấp). Nên ông A và bà B yêu cầu ông D, chị Đ và anh E trả cho ông phần đất diện tích 36,4 m^2, thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 23, nằm trong GCNQSDĐ do bà B đứng tên là có căn cứ. Ngược lại ông D, chị Đ và anh E cho rằng nguồn gốc đất do cha ruột là ông I cho ông D. Từ khi nhận đất, ông D trực tiếp quản lý, sử dụng, xây dựng nhà ở và chị Đ xây dựng mái che trên đất, không ai ngăn cản. Năm 2009 ông D được UBND huyện Gò Dầu cấp GCNQSDĐ diện tích 503,3 m^2 (trong đó không bao gồm 36,4 m^2 đất đang tranh chấp). Tuy nhiên ông không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp.

[7] Xét về thời gian cấp giấy thì ông D được cấp giấy trước ông A, bà B và được cấp trước cả bà G (bà G được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 221/2003/QĐ-CT (HL) ngày 8-9-2004 do UBND huyện Gò Dầu cấp), ông D, chị Đ và anh E cho rằng đất tranh chấp của ông D nhưng ông D lại không đăng ký cấp GCNQSDĐ cho cả phần đất 36,4 m^2 mà chỉ đăng ký diện tích 323,5 m^2. Khi bà G được cấp giấy đối với phần đất này và khi chuyển nhượng qua cho ông A, bà B ông D, chị Đ và anh E cũng không ngăn cản gì. Nên việc ông D, chị Đ và anh E sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông A, bà B và xây dựng nhà ở, xây dựng mái che khi không có sự đồng ý của ông A, bà B là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B, về việc "yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề" là phù hợp quy định tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Nên cần buộc ông D, chị Đ anh E phải di dời, tháo dỡ công trình xây dựng là một phần nhà ở và 01 phần mái che trả quyền sử dụng đất lại cho ông A, bà B để ông A, bà B tiếp tục dùng làm đường đi là phù hợp.

Ông D, chị Đ và anh E không yêu cầu ông A và bà B bồi thường hỗ trợ chi phí di dời dở bỏ công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp nên không giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp: Ông D, chị Đ và anh E phải chịu theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Án phí: Ông D, chị Đ và anh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông A, bà B được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 228, 229, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A bà B đối với ông D, chị Đ và anh E về việc yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Buộc ông D có trách nhiệm di dời, tháo dở 01 phần nhà ở một phần căn nhà của ông D xây dựng, hiện ông D đang quản lý, sử dụng, có diện tích 5,6 m^2; buộc chị Đ và anh E có trách nhiệm di dời, tháo dở 01 phần mái che do chị Đ anh E xây dựng, hiện anh chị đang quản lý, sử dụng, có diện tích 9,20 m^2 để trả lại cho ông A bà B phần đất 36,4 m^2, thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp Bàu A, xã Phước B, huyện Gò C, tỉnh Tây D, nằm trong tổng diện tích đất 587 m^2 do UBND huyện Gò Dầu cấp GCNQSDĐ số AB 621444 ngày 28-02-2005 cho ông A bà B, tứ cận: Đông giáp thửa 60 dài 1,95m, Tây giáp thửa 60 dài 1,5m, Nam giáp thửa 50 và 284 dài 0,9m +20,98m, Bắc giáp thửa 37 dài 19,29m và thửa 51 dài 3,13m để ông A và bà B tiếp tục dùng làm đường đi là phù hợp. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông D, chị Đ và anh E không yêu cầu ông A và bà B bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, tháo dở công trình công xây dựng trên lối đi đang tranh chấp nên ghi nhận.

Kể từ khi ông A, bà B có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông D, chị Đ và anh E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chổ tài sản tranh chấp: Ông D, chị Đ và anh E phải chịu 10.000.000 đồng. Ông D, chị Đ và anh E phải có trách nhiệm trả lại cho ông A, bà B số tiền 10.000.000 đồng mà ông A, bà B đã nộp chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chổ tài sản tranh chấp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu 2.176.000 (hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng. Chị Đ, anh E phải chịu 736.000 đồng (bảy trăm ba mươi sáu ngàn). Ông A, bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0012698 ngày 26-10-2017 và biên lai thu số 0013219 ngày 19-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình